TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 4 năm 2025
Về việc: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khóm 0, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khóm 0, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thạch Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và và ông Lê Hoàng M chung sống vợ chồng với nhau năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn do quan điểm sống không phù hợp, không có tiếng nói chung, hay cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 03/10/2003 và Lê Tuấn K, sinh ngày 14/10/2006. Hiện các con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Nhà và đất tọa lạc tại khóm 0, phường T, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 997319 tờ bản đồ số 95,

thửa đất số 70, điện tích 72m². Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng M trình bày:

- Về hôn nhân: Thời gian chung sống vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn đúng như bà H trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 03/10/2003 và Lê Tuấn K, sinh ngày 14/10/2006. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Nhà và đất tọa lạc tại khóm 0, phường T, thành phố Cà Mau theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 997319 tờ bản đồ số 95, thửa đất số 70, diện tích 72m². Ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Thạch Thị H và ông Lê Hoàng M chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được sự thống nhất của các đương sự. Do đó, hôn nhân giữa bà H và ông M là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà H và ông M thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận bà H và ông M là vợ chồng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 03/10/2003 và Lê Tuấn K, sinh ngày 14/10/2006. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Thạch Thị H và ông Lê Hoàng M xác định tự thoả thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Thạch Thị H và ông Lê Hoàng M xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Thạch Thị H và ông Lê Hoàng M là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Thạch Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 04/3/2025 bà H đã nộp tạm ứng 2.800.000 đồng theo biên lai số 0010423 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ. Bà H được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Mỹ Linh **Trương Công Minh** **Trần Thị Kiều Trang**